

Bản án số: 198/2017/DS-ST

Ngày: 26/7/2017

V/v “tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng

2. Bà Huỳnh Nguyệt Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 12/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 06 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Duy T, sinh năm 1991 – Theo Giấy ủy quyền số 084/2017/UQ-TTT ngày 01/1/2017 (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1976 (vắng mặt không có lý do)

Tạm trú: Đường B khu dân cư TQ, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong đơn khởi kiện ngày 06/8/2015, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn Ngân hàng S có người đại diện theo ủy quyền ông Đinh Duy T trình bày:

Ngày 27/08/2010, bà Nguyễn Thị Bích T1 có ký với Ngân hàng S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.272.700 đồng, cộng với tiền phí trễ hạn và các loại phí tiền gốc tổng cộng là 54.473.363 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T1 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.221.803 đồng nhưng từ tháng 10/2014, bà T1 ngừng thanh toán cho Ngân Hàng theo thỏa thuận. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 21/04/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 25/07/2017, bà T1 còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 54.473.363 đồng (Tính tại thời điểm vi phạm Hợp đồng từ ngày 20/4/2011)

Lãi quá hạn: tính đến ngày 25/7/2017 là 127.303.800 đồng

Tổng cộng: 181.777.163 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán nợ tuy nhiên bà T1 vẫn chưa thanh toán các khoản nợ trên cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản qui định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T1 có trách nhiệm thanh toán một lần và toàn bộ số tiền cho Ngân hàng tính đến ngày 25/7/2017 là 181.777.163 đồng, bao gồm: tiền nợ gốc 54.473.363 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 127.303.800 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2017 cho đến khi bà T1 thanh toán dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín

dụng kiêm hợp đồng ký ngày 27/08/2010 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T1, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bà T1 đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Về thẩm quyền xét xử:

[1] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Đối với nguyên đơn Ngân hàng S có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/7/2017 nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Phía bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích T1 đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà T1 vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Nguyễn Thị Bích T1 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, lách yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[5] Căn cứ theo các quy định và các văn bản hai bên đã ký kết, xét thấy có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S có cho bà T1 mở thẻ tín dụng. Bà T1 đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 54.473.363 đồng, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.221.803 đồng thì ngưng từ tháng 10/2014 đến nay.

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 21/04/2011 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của hai bên trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 27/08/2010 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có

hiệu lực từ ngày 01/6/2010. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S đòi bà Nguyễn Thị Bích T1 trả số tiền nợ gốc là 54.473.363 đồng + lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 127.303.800 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 27/08/2010 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010 là có cơ sở chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 127.303.800 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2017 được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vụ án đã được Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý từ ngày 28/3/2016, sau đó chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền nên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án phía bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu tiền án phí là 9.088.858 đồng (chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn tám trăm năm mươi tám đồng).

Hoàn lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng S và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T1.

Về nội dung:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích T1 phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số nợ còn thiếu là 181.777.163 đồng (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi ba đồng), trong đó: tiền nợ gốc 54.473.363 đồng, nợ lãi tính đến ngày 25/7/2017 là 127.303.800 đồng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng S từ ngày 26/7/2017 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 27/08/2010 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 01/6/2010 trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu 9.088.858 đồng (chín triệu không trăm tám mươi tám ngàn tám trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.540.794 đồng (Ba triệu năm trăm bốn mươi ngàn bảy trăm chín mươi bốn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/09736 ngày 22/3/2016 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3/ Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ngân hàng Thương mại S, bà Nguyễn Thị Bích T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thủy